

**C**ông ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp mới hình thành và phát triển ở nước ta trong thời gian gần đây. Mặc dù mới chỉ xuất hiện trong thời gian ngắn nhưng công ty cổ phần đã có mặt trong hầu hết các lĩnh vực kinh doanh và đã có vị trí ngày càng quan trọng trong nền kinh tế ở nước ta. Hiện tại với sự ra đời và phát triển của thị trường chứng khoán thì vai trò cũng như hoạt động của công ty cổ phần càng được khẳng

100.000đ/cổ phiếu. Khi đó phần tài sản thu về qua việc phát hành cổ phiếu sẽ lớn hơn phần mệnh giá của cổ phiếu. Lúc đó sẽ phát sinh hai cách hạch toán liên quan đến phần vốn góp trội hơn mệnh giá:

- Cách 1: Tài khoản 411 có thể được mở rộng nội dung phản ánh thành "vốn đóng góp của cổ đông". Với nội dung mới này, tài khoản 411 sẽ bao gồm 2 phần:  
- Phần vốn điều lệ được hình thành căn cứ trên số lượng

## Kế toán phát hành cổ phiếu trong công ty cổ phần ở Việt Nam **THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

TS. VÕ VĂN NHỊ & Thạc sĩ VŨ THU HẰNG

định và có điều kiện phát triển một cách mạnh mẽ, rộng khắp. Trong lĩnh vực kế toán ở công ty cổ phần thì nội dung kế toán vốn chủ sở hữu là một vấn đề quan trọng được sự quan tâm của nhiều đối tượng khác nhau. Hiện tại kế toán vốn chủ sở hữu trong công ty cổ phần ở nước ta còn nhiều vấn đề chưa được nghiên cứu và thực hiện phù hợp với thông lệ quốc tế và gây không ít trở ngại cho các đối tượng sử dụng thông tin khi muốn tìm hiểu về vấn đề này.

Vốn chủ sở hữu là phần còn lại của doanh nghiệp sau khi công ty đã thanh toán xong các khoản nợ phải trả. Phần vốn này được hình thành qua sự đóng góp của cổ đông khi doanh nghiệp mới đi vào hoạt động, và thêm cả phần đóng góp sau này khi doanh nghiệp có nhu cầu tăng vốn. Ngoài ra vốn chủ sở hữu còn được hình thành từ kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên trong giới hạn của bài báo này, xin chỉ được đề cập đến phần vốn chủ sở hữu được hình thành thông qua sự đóng góp của cổ đông, thông qua việc phát hành cổ phiếu.

Theo qui định của luật pháp, khi công ty cổ phần được thành lập, Sở kế hoạch và đầu tư, nơi công ty cổ phần đăng ký hoạt động sẽ duyệt điều lệ hoạt động của công ty. Trong điều lệ hoạt động ghi chi tiết số lượng và loại cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu mà công ty phát hành. Dựa trên hai yếu tố này có thể xác định được vốn điều lệ của công ty cổ phần khi mới thành lập.

Khi công ty nhận được tài sản qua việc phát hành cổ phiếu, thì các cổ phiếu này được xem như "cổ phiếu đã phát hành". Phần vốn điều lệ này được phản ánh vào tài khoản: 411 "nguồn vốn kinh doanh". Tuy nhiên trong giai đoạn đầu, khi mới xuất hiện loại hình doanh nghiệp công ty cổ phần ở Việt Nam, thì các công ty cổ phần thường phát hành cổ phiếu với giá bán đúng bằng mệnh giá. Khi đó kế toán ghi nhận:

Nợ 111, 112

Có 411

Tuy nhiên với sự phát triển của loại hình công ty cổ phần ở Việt Nam cùng với sự xuất hiện của thị trường chứng khoán, trong vài năm trở lại đây, cổ phiếu thường được công ty cổ phần chào bán với giá cao hơn mệnh giá. Ví dụ mệnh giá của cổ phiếu là 10.000đ/cổ phiếu, trong khi giá bán của cổ phiếu của công ty ra thị trường dao động từ 50.000 đến

cổ phiếu do công ty phát hành nhân với mệnh giá của cổ phiếu.

- Phần chênh lệch giữa giá bán của cổ phiếu trên thị trường và mệnh giá của cổ phiếu. Đây cũng là phần vốn góp của cổ đông nhưng vượt trội hơn mệnh giá cổ phiếu.

Tuy nhiên khi hạch toán không hề có sự phân biệt nào giữa mệnh giá cổ phiếu và phần vốn góp vượt trội hơn mệnh giá. Ví dụ công ty cổ phần phát hành 200.000 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu 10.000đ/cổ phiếu, giá bán của cổ phiếu trên thị trường là 98.000đ/cổ phiếu. Vậy khi công ty phát hành 200.000 cổ phiếu này, phần tài sản thu về sẽ là 19.600.000.000 đồng (98.000đ/cổ phiếu x 200.000 cổ phiếu), vậy bút toán ghi nhận:

Nợ 111, 112 19.600.000.000

Có 411

19.600.000.000

• Cách 2: Tài khoản 411 vẫn giữ nguyên nội dung cũ là chỉ phản ánh phần góp của cổ đông theo mệnh giá cổ phiếu (200.000 cổ phiếu x 10.000đ/cổ phiếu). Khi đó phần chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu và mệnh giá sẽ được xem như thu nhập hoạt động tài chính (200.000 cổ phiếu x 88.000đ/cổ phiếu). Phần thu nhập này theo qui định của Nhà nước sẽ không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Vậy với việc phát hành cổ phiếu theo ví dụ trên, bút toán ghi nhận sẽ là:

Nợ 111, 112,... 19.600.000.000

Có 411

2.000.000.000

Có 711

17.600.000.000

Nếu tài sản góp vốn là ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì khi ghi sổ kế toán được qui ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá bình quân liên ngân hàng hoặc giá chuyển đổi ra tiền tại thời điểm góp vốn. Trường hợp tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, thì phải được định giá. Tất cả các thành viên sáng lập là người định giá các tài sản đó. Giá trị các tài sản góp vốn này phải được thông qua theo nguyên tắc nhất trí, đảm bảo tính trung thực, chính xác đối với giá trị tài sản vốn góp. Sự đóng góp này được kế toán ghi nhận như sau:

Nợ 152, 153, 156, 211, 213...

Có 411

Phần trình bày liên quan đến vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán và các báo cáo tài chính khác:



**Bảng cân đối kế toán (trích)**

Ngày...tháng...năm...

|                                                        |      |
|--------------------------------------------------------|------|
| Vốn chủ sở hữu                                         |      |
| Vốn kinh doanh (vốn điều lệ, vốn đóng góp của cổ đông) | xxxx |
| Quỹ dự phòng và các quỹ khác                           | xxxx |
| Lợi nhuận chưa phân phối                               | xxxx |
| Tổng vốn chủ sở hữu                                    | xxxx |

Vốn kinh doanh (vốn điều lệ) có thể được bổ sung khi có nhu cầu, hoặc để đảm bảo mức tối thiểu theo qui định của pháp luật. Việc tăng giảm vốn kinh doanh do đại hội cổ đông quyết định, tiến hành theo đúng qui định của Điều 43 Luật doanh nghiệp, phải được công khai trên báo và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận. Vốn điều lệ có thể được bổ sung bằng nhiều cách, trong đó công ty cổ phần có thể phát hành thêm cổ phiếu để thu hút vốn. Việc phát hành thêm cổ phiếu, quá trình thực hiện hạch toán cũng giống như việc phát hành cổ phiếu lần đầu khi thành lập công ty.

Từ phần hạch toán trình bày ở trên, có thể rút ra một số nhận xét về cách hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến việc phát hành cổ phiếu trong thời gian qua với một số ưu điểm và nhược điểm được trình bày cụ thể như sau:

**Ưu và nhược điểm**

**Ưu điểm**

Tuân thủ theo đúng chuẩn mực quốc tế về kế toán, vốn chủ sở hữu trong công ty cổ phần ở Việt Nam cũng là phần còn lại của tài sản sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ. Vốn chủ sở hữu trong công ty cổ phần cũng được chia thành nhiều phần theo qui định của chuẩn mực đó là phần vốn đóng góp của cổ đông, lợi tức lưu giữ và khoản dự trữ. Trong đó nguồn vốn kinh doanh là vốn được đóng góp bởi các cổ đông- phần vốn pháp định (vốn điều lệ) được Nhà nước quy định khi thành lập công ty, và phần vốn điều lệ này không được phép dùng trả cho cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào. Việc qui định này có ưu điểm giúp cho các chủ nợ có thể yên tâm rằng công ty có một phần tài sản tối thiểu để đảm bảo khoản nợ của họ.

**Nhược điểm:**

Bên cạnh những ưu điểm kể trên, do đặc thù ở Việt Nam, công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp tương đối mới cho nên trong thời gian qua các nghiệp vụ liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, hình thành vốn của cổ đông còn rất đơn giản. Việc phân loại, hạch toán vốn chủ sở hữu còn nhiều vấn đề chưa rõ ràng, cụ thể là:

- Về nội dung: Trên thị trường chứng khoán, cổ phiếu sẽ được mua bán căn cứ vào giá trị thị trường, nghĩa là căn cứ vào tiềm năng, tình hình kinh doanh,... của công ty cổ phần, nhu cầu mua cổ phiếu của các nhà đầu tư. Vì vậy việc giá bán của cổ phiếu cao

hơn mệnh giá của cổ phiếu nhiều lần là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên trong nội dung vốn chủ sở hữu ở Việt Nam, phần chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu và giá bán của cổ phiếu trên thị trường chưa thấy được đề cập rõ ràng. Hiện nay có hai cách phản ánh phần chênh lệch vốn góp trội hơn mệnh giá (đã trình bày ở phần trên), tuy nhiên cả hai cách hạch toán đều có những điều chưa hợp lý, cụ thể là:

+ Ở cách thứ 1: theo Luật doanh nghiệp qui định, vốn kinh doanh - vốn điều lệ được hình thành căn cứ vào mệnh giá của cổ phiếu với số lượng cổ phiếu phát hành. Phần vốn này phải được đăng ký với Nhà nước khi thành lập công ty cũng như khi công ty quyết định thay đổi tăng hay giảm vốn. Vì tính chất của vốn điều lệ như vậy nên phần vốn góp trội hơn mệnh giá của cổ phiếu không nên hạch toán vào tài khoản này. Hơn nữa IAS 1 - 86 qui định giá trị sổ sách và phần vốn góp trội hơn mệnh giá của cổ phiếu phải được trình bày riêng rẽ, vậy thì phần "nguồn vốn kinh doanh" của kế toán Việt Nam chưa thể hiện được đầy đủ yêu cầu này. Đối với các phần vốn khác như lợi tức lưu giữ, chênh lệch do đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hay các quỹ hình thành từ lợi tức lưu giữ của doanh nghiệp cũng không thích hợp để phản ánh phần vốn góp vượt trội này.

+ Ở cách thứ 2: Tại một số doanh nghiệp khác, phần chênh lệch này được hạch toán vào tài khoản 711 xem như kết quả của hoạt động đầu tư tài chính. Tài khoản 711, theo qui định của Nhà nước cuối cùng sẽ kết chuyển tăng lãi chưa phân phối. Việc hạch toán này chưa thật sự chính xác vì nghiệp vụ phát hành cổ phiếu này liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và không làm tăng hay giảm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa "vốn góp trội hơn mệnh giá" là phần làm tăng vốn chủ sở hữu, nhưng không phải là phần vốn dùng để chia cho các quỹ hoặc cho cổ đông. Như vậy khi hạch toán phần vốn này vào tài khoản 711, sau đó chuyển sang 421 thì có nghĩa là vốn do cổ đông đóng góp sau đó lại được dùng để chia lại cho cổ đông dưới dạng cổ tức là không hợp lý. Thêm nữa nếu một doanh nghiệp nào đó trong năm có hoạt động sản xuất kinh doanh bị lỗ nhưng nếu năm đó phát hành cổ phiếu có giá bán cao hơn mệnh giá, phần chênh lệch vốn góp vượt mệnh giá (do cổ đông đóng góp) khi đó phản ánh trên tài khoản 711 sẽ

**TRANH VUI NƯỚC NGOÀI**







được dùng bù đắp cho phần lỗ từ hoạt động kinh doanh. Chẳng lẽ cổ đông góp vốn vào doanh nghiệp dùng để bù đắp khoản lỗ do doanh nghiệp tạo ra từ hoạt động kinh doanh?

- Về tài khoản và phương pháp phản ánh: do trong nội dung chưa có sự phân định rõ ràng nên chưa hình thành các tài khoản riêng biệt để phản ánh phần vốn góp trội hơn so với mệnh giá của cổ phiếu.

### Giải pháp

Từ những ưu nhược điểm ở trên, tham khảo chuẩn mực quốc tế về kế toán, kết hợp với những nét đặc thù của kế toán Việt Nam, xin kiến nghị một số giải pháp liên quan đến kế toán vốn chủ sở hữu trong công ty cổ phần như sau:

- Về nội dung: Phần vốn góp trội so với mệnh giá nên được hiểu là phần vốn thặng dư, phần chênh lệch giữa giá bán của cổ phiếu trên thị trường và phần mệnh giá. Phần vốn góp vượt mệnh giá này nên được trình bày ngay bên dưới của chỉ tiêu nguồn vốn kinh doanh của công ty. Nguồn vốn kinh doanh được hình thành bằng các lấy số lượng cổ phiếu đã phát hành nhân với mệnh giá cổ phiếu khi đó được hiểu chính xác là vốn điều lệ, vốn pháp định, hay vốn ghi theo mệnh giá của cổ phiếu. Phần vốn góp trội hơn mệnh giá và phần vốn kinh doanh (vốn ghi theo mệnh giá) khi đó sẽ tạo thành tổng số vốn góp của cổ đông. Phần vốn góp này có thể chia thành các chỉ tiêu chi tiết đó là vốn góp trội hơn mệnh giá của cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi (nếu có), cổ phiếu quỹ. Công thức sau đây biểu hiện mối quan hệ giữa các phần tạo thành vốn góp của cổ đông:

|                                |   |                                |   |                                |
|--------------------------------|---|--------------------------------|---|--------------------------------|
| Tổng số vốn góp                | = | Vốn ghi theo mệnh giá cổ phiếu | + | vốn góp trội hơn mệnh giá      |
| Vốn ghi theo mệnh giá cổ phiếu | = | số lượng cổ phiếu đã phát hành | x | mệnh giá cổ phiếu              |
| Vốn góp trội hơn mệnh giá      | = | tổng số vốn góp                | - | vốn ghi theo mệnh giá cổ phiếu |

- Về tài khoản sử dụng và phương pháp phản ánh: ngoài những tài khoản hiện tại đang sử dụng, hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam nên sử dụng thêm tài khoản dùng để phản ánh thêm nội dung đã trình bày ở phần trên, đó là: Tài khoản "nguồn vốn góp trội so với mệnh giá", số hiệu 418, đây là tài khoản nguồn vốn dùng phản ánh tình hình tăng giảm của vốn góp trội so với mệnh giá, và phần vốn góp trội so với mệnh giá hiện có vào thời điểm cuối kỳ.

Bên nợ:

+ phần thâm hụt phát sinh khi phát hành cổ phiếu (giá bán của cổ phiếu thấp hơn mệnh giá).

+ phần chênh lệch khi tái phát hành cổ phiếu quỹ với giá bán thấp hơn giá mua lại.

Bên có:

+ phần thặng dư khi phát hành cổ phiếu (giá bán của cổ phiếu cao hơn mệnh giá).

+ phần chênh lệch khi tái phát hành cổ phiếu quỹ với giá bán cao hơn giá mua lại.

+ phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của cổ phiếu khi chuyển đổi từ trái phiếu.

Số dư nợ: chênh lệch tăng vốn góp trội so với mệnh giá

Số dư có: chênh lệch giảm vốn góp trội so với mệnh giá

Khi có thêm tài khoản phản ánh phần chênh lệch giữa giá bán của cổ phiếu trên thị trường và mệnh giá, hạch toán vốn góp của cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu sẽ chia thành 2 phần:

- phần vốn góp theo mệnh giá sẽ được phản ánh vào tài khoản nguồn vốn kinh doanh,

- phần chênh lệch được hạch toán vào tài khoản vốn góp trội hơn mệnh giá.

Ví dụ: Công ty cổ phần X phát hành 5.000 cổ phiếu thường, mệnh giá 10.000 đ/cổ phiếu, giá bán cổ phiếu thu tiền là 80.000đ/cổ phiếu, khi đó bút toán ghi nhận sẽ là:

Nợ 111,112 400.000.000  
Có 411 50.000.000

Có "nguồn vốn góp trội so với mệnh giá"(418) 350.000.000

- Về trình bày trên bảng cân đối kế toán:

Trên Bảng cân đối kế toán, những khoản mục này được trình bày như sau:

Bảng cân đối kế toán (trích)

Ngày...tháng...năm...

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| Tài sản       | Số tiền        | Nguồn vốn                                | Số tiền        |
|---------------|----------------|------------------------------------------|----------------|
| Vốn bằng tiền | 400.000        | Nguồn vốn kinh doanh                     | 50.000         |
|               |                | Nguồn vốn góp trội so với mệnh giá (418) | 350.000        |
| <b>Cộng</b>   | <b>400.000</b> | <b>Cộng</b>                              | <b>400.000</b> |

Ngược lại, cũng ví dụ trên nhưng nếu giá bán cổ phiếu thu tiền là 9.000đ/cổ phiếu, khi đó bút toán ghi nhận sẽ là:

Nợ 111,112 45.000.000

Nợ "nguồn vốn góp trội so với mệnh giá"(418) 5.000.000  
Có 411 50.000.000

- Về trình bày trên bảng cân đối kế toán:

Trên Bảng cân đối kế toán, những khoản mục này được trình bày như sau:

Bảng cân đối kế toán (trích)

Ngày...tháng...năm...

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| Tài sản       | Số tiền       | Nguồn vốn                                | Số tiền       |
|---------------|---------------|------------------------------------------|---------------|
| Vốn bằng tiền | 45.000        | Nguồn vốn kinh doanh                     | 50.000        |
|               |               | Nguồn vốn góp trội so với mệnh giá (418) | 5.000         |
| <b>Cộng</b>   | <b>45.000</b> | <b>Cộng</b>                              | <b>45.000</b> |